

Phụ lục I:

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ CÁC MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2020 /TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu 1.1	Mẫu báo cáo tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng và cơ quan, đơn vị.
Mẫu 1.2	Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm (CSSDNLTD) <i>(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến, gia công sản phẩm trong nông nghiệp)</i>
Mẫu 1.3	Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm <i>(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)</i>
Mẫu 1.4	Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm <i>(Dùng cho tòa nhà trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng)</i>
Mẫu 1.5	Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước <i>(Dùng cho cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hoặc có mức tiêu thụ điện hàng năm từ 100.000 kWh trở lên)</i>
Mẫu 1.6	Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm <i>(Dùng cho các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải)</i>
Mẫu 1.7	Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm <i>(Dùng cho cơ sở đánh bắt thủy, hải sản; máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp)</i>
Mẫu 1.8	Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm <i>(Dùng cho cơ sở thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp)</i>
Mẫu 1.9	Mẫu báo cáo tổng hợp danh sách CSSDNLTD hàng năm gửi về Bộ Công Thương
Mẫu 1.10	Mẫu báo cáo tình hình tuân thủ luật của cơ sở, cơ quan, đơn vị <i>(Dùng cho Sở Công Thương báo cáo Bộ Công Thương trên Trang thông tin điện tử: http://www.dataenergy.vn)</i>

Mẫu 1.1**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

[Tên cơ sở] báo cáo sử dụng năng lượng năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.../.../.....]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia <http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ:[Tên Huyện] [Tên Tỉnh ...]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh]

Điện thoại: Fax:, Email:.....

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

Thông tin về tình hình tiêu dùng năng lượng

STT	Loại năng lượng		Đơn vị tính (*)	Lượng tiêu thụ	Ghi chú
1	Điện (2*)	Điện mua vào	kWh		
		Điện tự sản xuất	kWh		
		Điện bán ra	kWh		
2	Than (3*)		Tấn		
3	Dầu DO		1.000 Lit (tấn)		
4	Dầu FO		1.000 Lit (tấn)		
5	LPG		Tấn		
6	Khí tự nhiên (Natural Gas)		Tấn		
7	Xăng		Tấn		
8	Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel)		Tấn		
9	Gỗ/Trấu		Tấn		
10	Các dạng sinh khối khác (Biomass...)		Tấn		
11	Hơi mua ngoài (4*)		Tấn		
12	Năng lượng khác (5*)		(ghi rõ đơn vị tính)		

Ghi chú:

(*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

(2*): Tổng điện sử dụng = Điện mua vào + Điện tự sản xuất – Điện bán ra;

(3*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống <http://dataenergy.vn>;

(4*): Lựa chọn loại hơi có áp suất phù hợp;

(5*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Mẫu 1.2

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ
DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến, gia công sản phẩm trong nông nghiệp)

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH NĂM VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM
VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.../.../.....]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia <http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh]

Điện thoại: Fax:, Email:.....

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

Doanh thu:

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở và sản phẩm

1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở năm [Năm N-1]

Tên sản phẩm	Năng lực SX	Đơn vị đo ⁽¹⁾	Theo thiết kế	Mức sản xuất hiện tại	Tiêu thụ năng lượng theo sản phẩm ⁽²⁾	Doanh thu theo sản phẩm (triệu đồng)
.....						

⁽¹⁾ chọn đơn vị phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m³/năm; m²/năm; m³/giờ v.v...

⁽²⁾ Lựa chọn loại năng lượng và đơn vị phù hợp trên hệ thống, có thể thêm nhiều loại năng lượng nếu có

1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung- nếu có)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống ⁽⁴⁾	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ⁽³⁾ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		
				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ⁽¹⁾ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		

⁽³⁾ So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

⁽⁴⁾ Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N]

2.1 Dự kiến chỉ tiêu

Công suất sản xuất theo kế hoạch của cơ sở

(chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m²/năm; m³/giờ v.v...)

Tên sản phẩm	Năng lực SX	Đơn vị đo	Theo thiết kế	Mức sản xuất dự kiến

2.2 Dự kiến mức sử dụng năng lượng

2.2.1. Mức tiêu thụ nhiên liệu

STT	Loại năng lượng	Đơn vị tính ^(*)	Lượng tiêu thụ	Ghi chú
1	Than ^(2*)	Tấn		
2	Dầu DO	1.000 Lít (tấn)		
3	Dầu FO	1.000 Lít (tấn)		
4	LPG	Tấn		
5	Khí tự nhiên (Natural Gas)	Tấn		
6	Xăng	Tấn		
7	Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel)	Tấn		
8	Gỗ/Trấu	Tấn		
9	Các dạng sinh khối khác	Tấn		
10	Hơi mua ngoài ^(3*)	Tấn		
11	Năng lượng khác ^(4*)	(ghi rõ đơn vị tính)		

Ghi chú:

(*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

(2*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống <http://dataenergy.vn>;

(3*): Lựa chọn loại hơi có áp suất phù hợp;

(4*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và nhiệt trị của năng lượng.

2.2.2. Tiêu thụ điện

I. Điện năng mua từ lưới:	Công suất đăng ký kW	Điện năng 10 ⁶ kWh/năm
II. Điện tự sản xuất (nếu có):	Công suất lắp đặt:.....kW	Điện năng sản xuất:.....10 ⁶ kWh/năm
1. Biomass		
2. Biogas		
3. Điện gió		
4. Điện mặt trời		
III. Điện bán ra (nếu có)	Công suất bán ra:.....kW	Sản lượng điện bán ra:.....10 ⁶ kWh/năm

2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:

Các giải pháp và dự kiến kết quả (Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
.....				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo)		
.....				Mức tiết kiệm NL (%) ¹		
.....				Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng)		
				Lợi ích khác (là gì?)		

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

Cam kết

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

Ngày báo cáo [..../.../....]

Người lập kế hoạch

Người đứng đầu cơ sở duyệt

Mẫu 1.3

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ
DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH NĂM VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM
VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [./../.....]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia <http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh

Điện thoại: Fax:, Email:

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở và sản phẩm

1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở

Nhiên liệu sử dụng	Loại nhiên liệu	Khối lượng SD/năm	Nhiệt trị thấp (kJ/kg)
Nhiên liệu chính			
Nhiên liệu thay thế			
Nhiên liệu phụ trợ 1			
Nhiên liệu phụ trợ 2			

Số tổ máy	Công suất (MW)	Hiệu suất thiết kế	Hiệu suất vận hành trung bình	Số tổ máy	Công suất (MW)	Hiệu suất thiết kế	Hiệu suất vận hành trung bình
Tổ máy 1				Tổ máy 3			
Tổ máy 2				Tổ máy 4			

1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1] :

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 của Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung, nếu có)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
.....	Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ¹ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)
.....	Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ¹ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N]

2.1 Dự kiến chỉ tiêu:

Công suất sản xuất theo kế hoạch của cơ sở

(chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m²/năm; m³/giờ v.v...)

Năng lực SX Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Theo thiết kế	Mức sản xuất dự kiến
.....			

2.2 Dự kiến mức sử dụng nhiên liệu

2.2.1. Tiêu thụ nhiên liệu

STT	Loại năng lượng	Đơn vị tính ^(*)	Lượng tiêu thụ	Ghi chú
1	Than ^(2*)	Tấn		
2	Dầu DO	1.000 Lít (tấn)		
3	Dầu FO	1.000 Lít (tấn)		
4	LPG	Tấn		
5	Khí tự nhiên (Natural Gas)	Tấn		
6	Xăng	Tấn		
7	Gỗ/Trấu	Tấn		
8	Các dạng sinh khối khác (Biomass...)	Tấn		
9	Năng lượng khác ^(3*)	(ghi rõ đơn vị tính)		

Ghi chú:

(*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

(2*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống <http://dataenergy.vn>;

(3*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

2.2.2 Tiêu thụ điện

I. Điện năng mua từ lưới:	Công suất đăng ký kW	Điện năng 10 ³ kWh/năm
II. Điện tự sản xuất (phần tự dùng)		Điện năng tự dùng: 10 ³ kWh/năm

2.3 Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:

Các giải pháp và dự kiến kết quả (Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký của kỳ và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống ⁽²⁾	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
.....				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo)		
.....				Mức tiết kiệm NL (%) ⁽¹⁾		
.....				Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng)		
				Lợi ích khác (là gì?)		

⁽¹⁾So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

⁽²⁾ Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

Cam kết

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

Ngày báo cáo [.../.../....]

Người lập kế hoạch

Người đứng đầu cơ sở duyệt

Mẫu 1.4**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

(Dùng cho tòa nhà, trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng, cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

KẾ HOẠCH NĂM**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.././.....]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia <http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh]]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh]]

Điện thoại: Fax:, Email:

Chủ sở hữu: (Nhà nước/thành phần kinh tế khác)

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**1.1. Thông tin về cơ sở hạ tầng**

Năm đưa tòa nhà vào hoạt động		Loại công trình	
Tổng diện tích mặt sànm ²	Số tầng	
Tổng diện tích được bao che ⁽¹⁾m ²	Tổng diện tích bán bao che ⁽²⁾m ²
Tổng diện tích không bao che ⁽³⁾m ²	Diện tích được ĐHNĐ ⁽⁴⁾m ²
Tổng diện tích văn phòngm ²	Số phòng làm việc	
Tổng diện tích các phòng họpm ²	Số phòng họp	
Diện tích cho thuê làm cửa hàngm ²	Số cửa hàng	
Diện tích khu căng - tin, phụcm ²	Diện tích khu giải trím ²

vụ			
Số tầng hầm (nếu có)		Tổng diện tích tầng hầm (nếu có)m ²
Số tầng/nhà để xe (nếu có)		Diện tích tầng/nhà để xem ²

Ghi chú:

- (1) Phần diện tích có mái che và có tường bao quanh;
- (2) Phần diện tích có mái che và một phần tường bao quanh;
- (3) Phần diện tích không có mái che và tường bao quanh (ngoài trời);
- (4) ĐHND - Điều hòa nhiệt độ.

(Các nội dung khác theo Mẫu 1.2, mục: 1.2, II;)

Mẫu 1.5**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Dùng cho cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hoặc có mức tiêu thụ điện hàng năm từ 100.000 kWh trở lên)

KẾ HOẠCH NĂM**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.././.....]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia <http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh

Điện thoại: Fax:, Email:

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**1.1. Thông tin về cơ sở hạ tầng**

Năm đưa tòa nhà vào hoạt động		Loại công trình	
Tổng diện tích mặt sànm ²	Số tầng	
Tổng diện tích được bao che ⁽¹⁾m ²	Tổng diện tích bán bao che ⁽²⁾m ²
Tổng diện tích không bao che ⁽³⁾m ²	Diện tích được ĐHNĐ ⁽⁴⁾m ²
Tổng diện tích văn phòngm ²	Số phòng làm việc	
Tổng diện tích các phòng họpm ²	Số phòng họp	
Diện tích cho thuê làm cửa hàngm ²	Số cửa hàng	
Diện tích khu căng - tin, phục vụm ²	Diện tích khu giải trím ²
Số tầng hầm (nếu có)		Tổng diện tích tầng hầm (nếum ²

		có)	
Số tầng/nhà để xe (nếu có)		Diện tích tầng/nhà để xem ²

Ghi chú:

- (1) Phần diện tích có mái che và có tường bao quanh;
- (2) Phần diện tích có mái che và một phần tường bao quanh;
- (3) Phần diện tích không có mái che và tường bao quanh (ngoài trời);
- (4) ĐHND - Điều hòa nhiệt độ.

1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung- nếu có)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống ⁽⁴⁾	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ⁽³⁾ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		
				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ⁽¹⁾ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		

⁽³⁾ So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

⁽⁴⁾ Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

1.3 Kết quả Thực hiện thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ trong năm [Năm N-1]:

Kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.4 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung- nếu có)

STT	Tên thiết bị lắp mới/nâng cấp/thay thế theo kế hoạch	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Loại nhân năng lượng của thiết bị	Thực hiện (Có/không)	Lý do (Trong trường hợp không thực hiện được)

II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N]

2.1 Dự kiến mức sử dụng năng lượng

2.1.1. Mức tiêu thụ nhiên liệu

STT	Loại năng lượng	Đơn vị tính ^(*)	Lượng tiêu thụ	Ghi chú
1	Dầu DO	1.000 Lít (tấn)		
2	LPG	Tấn		
3	Khí tự nhiên (Natural Gas)	Tấn		
4	Xăng	Tấn		
5	Năng lượng khác ^(2*)	(ghi rõ đơn vị tính)		

Ghi chú:

(*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

(2*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và nhiệt trị của năng lượng.

2.1.2. Tiêu thụ điện

I. Điện năng mua từ lưới:	Công suất đăng ký kW	Điện năng 10 ⁶ kWh/năm
II. Điện tự sản xuất (nếu có):	Công suất lắp đặt:.....kW	Điện năng sản xuất:.....10 ⁶ kWh/năm
1. Biomass		
2. Biogas		
3. Điện gió		
4. Điện mặt trời		
III. Điện bán ra (nếu có)	Công suất bán ra:kW	Sản lượng điện bán ra:10 ⁶ kWh/năm

2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:

Các giải pháp và dự kiến kết quả (Đòi chiểu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký nếu có và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
.....				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo)		
.....				Mức tiết kiệm NL (%) ¹		
.....				Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng)		
				Lợi ích khác (là gì?)		

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

2.4 Kết quả Thực hiện thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ trong năm [Năm N-1]:

STT	Tên thiết bị lắp mới/nâng cấp/thay thế theo kế hoạch	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Loại nhân năng lượng của thiết bị	Lý do lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế

Cam kết

Được sự ủy quyền của lãnh đạo cơ quan, đơn vị [Tên cơ quan, đơn vị] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên cơ quan, đơn vị được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

Ngày báo cáo [...../...../.....]

Người lập kế hoạch

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị duyệt

Mẫu 1.6

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải)

KẾ HOẠCH NĂM**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[*Tên cơ sở*] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.././.....]

Mã số ID: [*Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp*]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia <http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [*Tên Huyện*] [*Tên Tỉnh*]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [*Tên Huyện*] [*Tên Tỉnh*]

Điện thoại: Fax:, Email:

Chủ sở hữu: (*Nhà nước/thành phần kinh tế khác*)

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**1.1. Năng lực của cơ sở**

Loại phương tiện	Số lượng (chiếc)	Loại nhiên liệu	Năng lực vận chuyển/năm	
			<i>H.khách x km</i>	<i>Tấn x km</i>
Xe taxi				
Xe buýt				
Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt)				
Xe ô tô tải các loại				
Tàu hỏa				
Tàu biển				
Phương tiện thủy nội địa				
Tàu bay				
Phương tiện khác				

1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung, nếu có)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhân liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống⁽²⁾	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
.....				Mức tiết kiệm NL.....(Đơn vị đo)		
.....				Mức tiết kiệm NL.....(%)(¹)		
.....				Tiết kiệm chi phí.....(Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		

(¹) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyên động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(²) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N]

2.1 Dự kiến chỉ tiêu hoạt động

Loại phương tiện	Số lượng (chiếc)	Loại nhiên liệu	Năng lực vận chuyển/năm	
			H.khách x km	Tấn x km
Xe taxi				
Xe buýt				
Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt)				
Xe ô tô tải các loại				
Tàu hỏa				
Tàu biển				
Phương tiện thủy nội địa				
Tàu bay				
Phương tiện khác				

2.2 Dự kiến mức sử dụng năng lượng

2.2.1. Tiêu thụ nhiên liệu

STT	Loại năng lượng	Đơn vị tính (*)	Lượng tiêu thụ dự kiến	Ghi chú
1	Dầu DO	1.000 Lít (tấn)		
2	Dầu FO	1.000 Lít (tấn)		
3	LPG	Tấn		
4	Khí tự nhiên (Natural Gas)	Tấn		
5	Xăng	Tấn		
6	Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel)	Tấn		
7	Năng lượng khác (2*)	(ghi rõ đơn vị tính)		

Ghi chú:

(*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp trên hệ thống <http://dataenergy.vn>;

(2*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

2.2.2. Tiêu thụ điện

I. Điện năng mua từ lưới:	Công suất đăng ký kW	Điện năng 10 ⁶ kWh/năm
II. Điện tự sản xuất (nếu có):	Công suất lắp đặt:.....kW	Điện năng sản xuất:10 ⁶ kWh/năm
1. Biomass		
2. Biogas		
3. Điện gió		
4. Điện mặt trời		
III. Điện bán ra (nếu có)	Công suất bán ra:.....kW	Sản lượng điện bán ra:10 ⁶ kWh/năm

2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:

Các giải pháp và dự kiến kết quả (Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống ⁽²⁾	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
.....				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo)		
.....				Mức tiết kiệm NL (%) ⁽¹⁾		
.....				Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng)		
				Lợi ích khác (là gì?)		

⁽¹⁾So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyên động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

⁽²⁾ Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

Cam kết

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

Ngày báo cáo [.../.../....]

Người lập kế hoạch

Người đứng đầu cơ sở duyệt

Mẫu 1.7

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

(Dùng cho cơ sở đánh bắt thủy, hải sản; máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp)

KẾ HOẠCH NĂM**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[*Tên cơ sở*] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [..././.....]

Mã số ID: [*Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp*]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia <http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [*Tên Huyện*] [*Tên Tỉnh*]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [*Tên Huyện*] [*Tên Tỉnh*]

Điện thoại: Fax:, Email:

Chủ sở hữu: (*Nhà nước/thành phần kinh tế khác*)

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**1.1. Năng lực sản xuất của cơ sở**

Loại phương tiện	Số lượng (chiếc)	Loại nhiên liệu/năng lượng
- Tàu đánh bắt cá		
- Tàu thủy/thuyền		
- Máy kéo		
- Máy cày		
- Máy gặt đập		
- Máy tuốt lúa		
- Ô tô tải		
....		

(Các nội dung khác theo Mẫu 1.2, mục: 1.2, II)

Mẫu 1.8

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ
SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

(Dùng cho cơ sở thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp)

KẾ HOẠCH NĂM**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.../.../.....]

Mã số ID: *[Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]*

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành:

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh

Điện thoại: Fax:, Email:.....

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**1.1. Năng lực sản xuất của cơ sở**

Hạng mục	Đơn vị đo	Số lượng
Diện tích đất được phục vụ tưới tiêu	<i>ha</i>	
Số trạm bơm	<i>(trạm)</i>	
Số lượng bơm	<i>(chiếc)</i>	
Tổng công suất sử dụng điện cho bơm	<i>kW</i>	
Khối lượng nước bơm hàng ngày	<i>m³/ngày</i>	
....		

(Các nội dung khác theo Mẫu 1.2, mục: 1.2, II)

Mẫu 1.9
TỔNG HỢP DANH SÁCH CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM

UBND Tỉnh, Thành phố...
Sở Công Thương

Số TT	Tên cơ sở	Địa chỉ, Điện thoại, email, fax	Ngành nghề SX, kinh doanh chính	Tiêu thụ năng lượng năm N						Quy đổi ⁽¹⁾ (TOE)	Ghi chú
				Điện (kWh)	Than (tấn)	DO (tấn)	FO (tấn)	Xăng (tấn)	Khí (m ³)		

Ghi chú: Phân loại theo ngành nghề (Sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, tòa nhà, dịch vụ thương mại, giao thông vận tải); Nếu có thể, mở rộng đến phân ngành Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Mẫu 1.10

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA CƠ SỞ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Dùng cho Sở Công Thương báo cáo Bộ Công Thương trên Trang thông tin điện tử <http://dataenergy.vn>)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA CÁC CƠ SỞ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Tỉnh/TP: Năm báo cáo:

GHI CHÚ:

Nhận tay

Tự động cập nhật

I. Tình hình tuân thủ quy định của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

STT	Tên CSSD/LTD	Mã số Thuế	Lĩnh vực	Ngành nghề	PHẦN II. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG						PHẦN III. BÁO CÁO KẾ HOẠCH 1 NĂM			PHẦN IV. BÁO CÁO KẾ HOẠCH 5 NĂM		PHẦN V. XÂY DỰNG MÔ HÌNH QLNL		
					Báo cáo KTNL mới	Nội dung báo cáo KTNL	Số dự án TKNL được hoàn thành	Số dự án TKNL theo kế hoạch	Tỷ lệ dự án TKNL hoàn thành	Báo cáo hợp lệ	Nội dung báo cáo kế hoạch 1 năm	Mục tiêu năm trước theo số lượng	Mục tiêu năm trước theo mức tiết kiệm	Báo cáo hợp lệ	Nội dung báo cáo kế hoạch 5 năm		(Hợp lệ)	(Hợp lệ)
1					(Hợp lệ)	(Có)	(Không hợp lệ)	(5)	(3)	(%)	(Hợp lệ)	(Không hợp lệ)	(Đạt)	(Không đạt)	(Hợp lệ)	(Hợp lệ)	(Có)	(Không)
2					(Không hợp lệ)	(Không)		(5)	(2)	(%)	(Không hợp lệ)	(Không hợp lệ)	(Không đạt)	(Không đạt)	(Hợp lệ)	(Hợp lệ)	(Không)	(Không)
3																		
4																		
5																		

II. Tình hình tuân thủ quy định của các cơ quan, đơn vị

STT	Tên Cơ quan, đơn vị	BÁO CÁO KẾ HOẠCH 1 NĂM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ			Mục tiêu năm trước theo mức tiết kiệm
		Báo cáo hợp lệ	Nội dung báo cáo kế hoạch 1 năm	Mục tiêu năm trước theo số lượng	
1		(Hợp lệ)	(Không hợp lệ)	(Đạt)	(Không đạt)
2		(Không hợp lệ)	(Không hợp lệ)	(Không đạt)	(Không đạt)
3					
4					
5					

DANH MỤC MÃ HỆ THỐNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Tên hệ thống	Mã	Tên hệ thống	Mã
Hệ thống sử dụng điện (Hệ thống điện)	E1	Hệ thống lò nung	T1
	E2	Hệ thống sấy	T2
	E3	Hệ thống hóa hơi ¹	T3
	E4	Hệ thống gia nhiệt chung	T4
	E5	Hệ thống lò hơi và phân phối hơi nước	T5
	E6	Hệ thống phương tiện vận tải	T6
	E7	Hệ thống máy nông nghiệp	T7
	E8	Hệ thống khác	T8
	E9		
	E10		
	E11		
Hệ thống sử dụng nhiên liệu (Hệ thống nhiệt)			

¹ Hệ thống hóa hơi: Là hệ thống tách chất lỏng ra khỏi sản phẩm